

TÌM HIỂU TRANG PHỤC NAM NỮ CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI TÀY VIỆT NAM

HÀ ĐÌNH THÀNH

Người Tày là một cộng đồng dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày – Thái, là dân đông nhất trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam, cư trú chủ yếu ở vùng Việt Bắc. Tuy dân số đông và cư trú trên một địa bàn tương đối rộng, nhưng người Tày là một cộng đồng dân tộc thuần nhất với ý thức tộc người khá rõ rệt.

Trang phục của người Tày được phân biệt theo giới tính (nam phục, nữ phục), theo lứa tuổi (trẻ, già,...), theo chức năng (lễ tết, lễ hội, hôn nhân, tang ma, thờ cúng), theo mùa (mùa đông, mùa hè, mùa thu)...

Bài viết này chỉ xin trình bày những hiểu biết và nhận thức của chúng tôi về trang phục cổ truyền của nam nữ người Tày Việt Nam.

1. Đôi nét về lịch sử trang phục của người Tày

Các tác giả cuốn “Từ điển tiếng Việt” {Hoàng Phê, ... (1988)} cho rằng: *Trang phục* là quần áo dùng riêng cho một ngành, một nghề nào đó (tr.1055); *Y phục* là quần áo, đồ mặc (tr.1203); *Trang sức* là làm tôn vẻ đẹp hình thức của con người bằng cách đeo, gắn thêm những vật quý, đẹp (tr.1056). Cuốn “Từ điển từ nguyên” của Trung Quốc có hai từ là *Y* và *Trang*. *Y* là đồ mặc (chỉ tất cả những cái gì khoác lên người); còn *trang* là trang sức (chỉ tất cả những cái gì làm tôn vẻ đẹp hình thức bên ngoài cho con người) (dẫn theo Lê Văn Bé, 2001, tr. 7- 8). Một số nhà nghiên cứu Dân tộc học Việt Nam chia trang phục ra

thành *y phục* và *trang sức*: *Y phục* bao gồm *đồ đội đầu*, *đồ mặc*, *đồ đi ở chân* và *một số thành tố y phục khác*; *trang sức* bao gồm những vật đeo, mang trên người và các hình thức làm đẹp khác (Lê Văn Bé, 2001, tr.8).

Khi quan sát những hình người trên trống đồng Đông Sơn, ta thấy có các yếu tố trang phục giống như trang phục nam nữ cổ truyền của người Tày như: Nữ giới mặc váy, chít khăn trên đầu, tay và cổ đeo trang sức... Khảo cứu về y phục và trang sức được khắc họa trên các hiện vật khảo cổ ở Tấn Ninh (Trung Quốc), ta cũng thấy có các yếu tố trang phục tương tự như của người Tày:

- Đối với nam giới:

+ Áo dài đến nửa đùi hoặc quá khoeo chân.

+ Quần cộc (đến khoeo chân), không có hoa văn trang trí.

+ Mũ vòng đai, không có đỉnh; vòng mũ có ba đường hoa văn hình chữ “nhân” hoặc tóc búi trên đỉnh đầu, quấn khăn.

+ Vai quàng khăn.

+ Có thắt lưng.

+ Đeo dao hoặc kiếm...

- Đối với nữ giới:

+ Áo ngắn hoặc dài đến khoeo chân, thắt lưng ngoài áo.

+ Váy dài.

+ Tóc bện hình dây thừng hay tết đuôi sam hoặc được búi trên đỉnh đầu.

+ Quàng khăn trên vai và có vành khăn quanh đầu.

+ Tai đeo vành khuyên, cổ đeo đồ trang sức (chuỗi hạt)...

Ở ng- ời Tày ngày nay, nữ giới mặc váy dài, áo ngắn hoặc dài đến khoeo chân, thắt l- ng ngoài áo, đầu chít khăn, vai quàng khăn, đeo đồ trang sức ở tai, cổ, tay; nam giới mặc áo ngắn, quần lửng, đầu quấn khăn, l- ng đeo dao hoặc kiếm. Trang phục (y phục và trang sức) của nam nữ Tày mang nhiều yếu tố trang phục giống nh- của chủ nhân nền văn hoá Tấn Ninh (Trung Quốc). Chính qua các yếu tố trang phục ấy, có thể thấy rằng, áo cánh, quần lửng của nam giới Tày, váy dài, áo ngắn hoặc dài của nữ giới Tày đã có từ lâu đời trong lịch sử. Ng- ời Tày Việt Nam đã bảo l- u hoặc tiếp thu thêm các yếu tố trang phục của những dân tộc nằm trong khối Bách Việt cổ (Hoàng Ngọc La,... 2002, tr.125-126).

2. Trang phục cổ truyền của ng- ời Tày

2.1. Y phục cổ truyền

Áo nam giới Tày mặc th- ờng ngày là áo cánh tứ thân, đ- ọc may theo kiểu xẻ ngực, cổ tròn dựng cao, không có cầu vai; tà áo xẻ cao, tay áo dài, hẹp ống, hai bên nẹp tr- ớc ngực đính một hàng cúc vải bẩy chiếc và ở phía d- ới hai vạt áo có hai túi nhỏ. Tr- ớc kia, nam giới Tày mặc áo dài năm thân bằng chất liệu vải bông nhuộm chàm hay vải lụa đen; gấu áo buông xuống tới khoeo chân, trùm lên cặp quần; áo cài cúc ở bên nách phải (năm cúc bằng vải hoặc đồng). Khi mặc, ng- ời ta dùng thắt l- ng vải buộc ra ngoài, mang tính chất trang trí.

Áo cánh tứ thân của nữ giới Tày là loại áo xẻ ngực, ống tay nhỏ, cổ tròn, có hai túi ở d- ới hai vạt áo tr- ớc và có hàng cúc ở giữa, hai thân áo đ- ọc xẻ tà. Loại áo này đ- ọc may bằng vải chàm hay vải trắng. Áo may hẹp, hơi thắt eo; khi mặc, áo bó khít vào ng- ời, tôn thêm vẻ đẹp của thân thể. Áo cánh th- ờng đ- ọc ng- ời phụ nữ Tày mặc ở nhà, khi đi lao động sản xuất, hoặc đ- ọc mặc lót trong áo dài. Khi chết, ng- ời phụ nữ Tày cũng mặc loại áo cánh này với quan niệm coi đó là áo để ng- ời quá cố trở về với tổ tiên.

Chiếc áo dài của nữ giới Tày cũng thuộc loại áo năm thân, đ- ọc may từ loại vải bông nhuộm chàm, cổ tròn đứng, có năm khuy cúc bằng vải hay đồng cài sang nách phải, tà áo đ- ọc xẻ cao tới tận hông, gấu buông xuống quá khoeo chân, ống tay hẹp, thân hẹp và hơi thắt eo. Ở một số địa ph- ờng thuộc Lào Cai, Hà Giang, áo dài của phụ nữ Tày là loại áo năm thân, phần từ thắt l- ng trở xuống đ- ọc may bằng vải khác màu (chiếc áo này cũng thấy ở dân tộc Sán Chay). Thắt l- ng áo đ- ọc ng- ời phụ nữ Tày dệt từ sợi bông nguyên chất hay từ vải tơ tằm nhuộm chàm. Khi mặc áo dài, nữ giới Tày th- ờng buộc thắt l- ng ra ngoài áo và để xoắn mỗi ra phía sau.

Với ng- ời Tày, áo là nơi chứa đựng linh hồn sống của con ng- ời. Mỗi khi đau ốm, áo ng- ời ốm đ- ọc đem bói hoặc cúng, ng- ời Tày gọi là *slũa khoăn* (áo linh hồn). Ngày nay, trẻ sơ sinh ch- a có quần thì đã có áo. Từ xa x- a áo đã đ- ọc coi trọng và là vật quý giá. Áo cánh xẻ nách dài tới thắt l- ng, màu trắng của nam, nữ Tày từ x- a đã nổi trội lên là đặc tr- ng của một dân tộc, để lại những ấn t- ợng sâu sắc đối với các dân tộc khác. Vì thế, ng- ời Tày đ- ọc

các dân tộc khác gọi là *cần sửa khao* (ng- ời áo trắng) (Hoàng Ngọc La,...2002, tr.124).

Nam giới Tày mặc quần lửng dài tới khoeo chân, hay dài hơn một chút. Quần lửng bằng vải tự dệt màu trắng hay nhuộm chàm, cách đây vài chục năm trở về tr- ớc rất thịnh hành trong đàn ông Tày, nay lác đác vẫn còn. Theo Hoàng Ngọc La, sự xuất hiện quần lửng (với nam giới), áo dài (với nữ giới) ở ng- ời Tày đã có từ lâu đời (Hoàng Ngọc La,... 2002, tr.125).

Quần của nam giới Tày đ- ợc may theo kiểu quần đũng chéo (chân què), gấu dài tới mắt cá chân. Cạp đ- ợc may rộng kiểu lá tọa và không có đ- ờng luồn dải rút, khi mặc vắt mồi quần về phía tr- ớc, rồi dùng dây vải thắt chặt phía ngoài.

Quần của nữ giới Tày giống quần nam giới: cũng may theo kiểu lá tọa, đũng chéo, song kích th- ớc có phần hẹp hơn. So với quần, *váy của nữ giới Tày* không còn phổ biến. Váy đ- ợc may khép kín, gồm ba phần: gấu, thân, cạp. *Cạp váy* đ- ợc can bằng miếng vải khác màu, có thể vải màu chàm hoặc vải in hoa, vải đỏ. Gấu váy đ- ợc đắp thêm một dải vải đỏ vừa để cho cứng, vừa tạo phong cách trang trí riêng. *Thân váy* không trang trí hoa văn, đ- ợc may khép kín, chu vi bằng bốn mảnh vải màu chàm, khổ rộng 40 cm ghép theo chiều dọc.

Váy của nữ giới Tày có hai loại: váy quần và váy khâu. Váy quần là một tấm vải hình chữ nhật dài đến khoeo chân hay mắt cá chân, quần quanh nửa ng- ời phía d- ới, hai đầu vải đ- ợc thắt chặt lại ở bên s- ờn hoặc ở vùng thắt l- ng. *Váy quần* có tr- ớc, hiện còn tồn tại ở một số vùng dân c- ; *váy khâu* ra đời muộn hơn nh- ng đ- ợc

sử dụng rộng rãi. Khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện nhiều kim khâu bằng x- ơng trong các di chỉ khảo cổ đồ đồng thau. Ng- ời Tày mặc váy khâu chắc chắn từ lâu đời (Hoàng Ngọc La,... 2002, tr.123).

Khăn đội đầu của nam giới Tày đ- ợc dệt bằng sợi bông hoặc sợi tơ tằm, có kích th- ớc 30 cm x 2 m, màu chàm, quấn trên đầu theo hình chữ “nhân”. Nữ giới Tày th- ờng đội khăn vuông (cũng đ- ợc dệt bằng sợi bông hoặc sợi tơ tằm) đồng màu với y phục. Trong những dịp đi chợ hay đi dự lễ hội, c- ới xin, phụ nữ Tày còn thích trang điểm trên vành khăn các sợi chỉ màu đỏ, xanh; mồi các sợi chỉ màu đ- ợc để xoắn ra phía sau. Chiếc nón cổ truyền của nữ giới Tày có cấu tạo khá độc đáo, đ- ợc đan bằng tre, giang và lợp lá cọ bên ngoài. Quai nón là sợi dây mây mỏng hoặc dây vải. Ô của cả nam giới và nữ giới Tày là loại ô tự làm, tán bằng vải, khung bằng tre và song, đ- ợc dùng khi đi chợ, đi dự lễ hội. Mũ vải chàm l- ỡi trai giống nh- kiểu mũ công nhân đ- ợc nam giới Tày sử dụng t- ơng đối phổ biến.

Ng- ời Tày hay đi chân đất, nh- ng họ cũng th- ờng dùng giày vải, nhất là khi đi chợ xa, đi dự lễ tết, lễ hội, c- ới xin. Giày đ- ợc khâu bằng vải chàm, mũi tròn, cổ cao, có lỗ khuyết để gài dây buộc. Nếu ở nhà trệt, họ đi guốc tre, guốc mộc, cũng có thể là hài xảo. Còn ở nhà sàn, họ đi hài xảo đ- ợc bện từ mo nang hay dây *po* (Hoàng Tuấn Nam,... 2001, tr.248). Ngày nay, nhiều ng- ời Tày đi tất, giày, dép nh- ng- ời Việt, ng- ời Nùng và những đồ này đ- ợc mua ở chợ...

2.2. Trang sức cổ truyền

Nam giới Tày x- a kia có một số ng- ời đeo vòng tay bằng bạc. Đến tuổi tr- ởng

thành, họ bịt răng vàng hay bạc cho đẹp (th- ờng là bịt chiếc răng nanh bên trái, hàm trên). Mặc dù xăm mình không phổ biến, nh- ng một số ng- ời thích xăm hình mặt trời, xăm chữ Hán, vừa để trang trí vừa mang tính nghi lễ cổ truyền với mong muốn tr- ờng sinh bản mệnh, đắc tài, nhiều lộc. Trang sức của nữ giới Tày cũng đơn giản và đ- ợc làm bằng bạc: đó là vòng chân, vòng tay, vòng cổ và dây xà tích. Ở một số vùng, phụ nữ Tày đeo túi vải thổ cẩm thêu hoa văn khi đi chợ, dự lễ hội.

3. Mấy nhận xét

3.1. Việt Bắc – nơi c- trú chủ yếu của ng- ời Tày, là miền đất chịu tác động của nhiều yếu tố văn hoá từ phía nam dội lên, và từ phía bắc tràn xuống. Sự có mặt của nhà Mạc trong hơn 80 năm (1594-1677) ở Cao Bằng đã gây ảnh h- ớng đáng kể. Nh- ng ảnh h- ớng từ bên ngoài không làm mất đi những nét đặc tr- ng cơ bản trong trang phục cổ truyền của ng- ời Tày. Hiện nay, phụ nữ Tày ở lớp ng- ời có tuổi trên địa bàn các tỉnh thuộc vùng Việt Bắc vẫn mặc bộ trang phục cổ truyền. Ở ng- ời Tày vùng Chiêm Hoá (Tuyên Quang), bộ nữ phục cổ truyền nh- váy, áo dài vẫn đang thịnh hành trong mọi lứa tuổi (Hoàng Ngọc La,... 2002, tr.128). Tại vùng Thạch An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Bảo Lạc (Cao Bằng), nữ giới Tày mặc áo dài đi chợ, đi ăn c- ới, đi dự lễ hội; các cô dâu khi về nhà chồng vẫn mặc nguyên bộ trang phục cổ truyền của ng- ời Tày (nh- ng lại đội nón “bài thơ”). Điều đó cho thấy các yếu tố cổ truyền trong trang phục mang tính đặc tr- ng tộc ng- ời Tày khá bền vững.

3.2. Bộ y phục của ng- ời Tày với sắc chàm đen giản dị gồm váy, quần, áo ngắn, áo dài, khăn đội đầu, thắt l- ng, các đồ

trang sức bằng bạc... có bản sắc riêng khá độc đáo. Ng- ời Tày, nhất là phụ nữ, trang phục kín toàn thân, chỉ để hở khuôn mặt và hai bàn tay. Y phục Tày toàn một màu chàm đậm hay tím hồng, hầu nh- không có trang trí hoa văn trên khăn, váy, áo. Y phục màu chàm đậm (xanh đen, đen hay tím hồng) của nữ giới bó sát thân làm nổi bật đ- ờng nét cơ thể, tạo dáng thon thả và làm tôn n- ớc da trắng trên cổ tay cũng nh- trên khuôn mặt của họ. Trên nền chàm đậm nh- vậy lại nổi lên các vòng cổ, vòng tay, vòng chân, dây xà tích óng ánh những tia sáng bạc... Tất cả hòa vào nhau tạo nên nét độc đáo, tinh tế và duyên dáng của bộ trang phục nữ giới Tày. Trang phục của phụ nữ Tày cũng có sự phân biệt theo nhóm địa ph- ơng. Điều này đ- ợc thể hiện trong trang phục của nữ giới nhóm Thù Lao, Pa Dí, Phén, Ngạn. Nh- ng sự khác biệt này cũng chỉ là ở các chi tiết. Ví dụ, trang phục của phụ nữ Pa Dí M- ờng Kh- ơng (Lào Cai) khác với trang phục của nữ giới các nhóm Tày khác ở hoa văn trang trí chiếc khăn đội đầu và cách vấn khăn. Chiếc áo dài của phụ nữ Pa Dí hơi rộng; tay áo gồm hai đoạn may nối gần sát vai. Phần cuối tay áo có dẹt hoặc khâu đắp một miếng vải khác màu (th- ờng là màu trắng) có hoa văn. Phần nẹp áo tr- ớc ngực khâu ghép một dải vải nhỏ mang họa tiết hoa văn. Nữ giới Pa Dí th- ờng đeo nhiều vòng bạc, dây chuyền bạc... ở cổ và tay (Viện Dân tộc học, 1992, tr.133).

3.3. Cùng với sự phát triển về kinh tế – xã hội, trang phục cổ truyền của ng- ời Tày cũng thay đổi. Biểu hiện đầu tiên là sự chuyển đổi về chất liệu vải để may quần áo, tạo nên màu sắc y phục. Hiện t- ợng dùng vải dệt công nghiệp để may quần áo đã trở nên khá phổ biến ở ng- ời

Tày. Mức độ thay đổi về trang phục cổ truyền đ- ọc phân biệt giữa hai khu vực: ở khu vực nông thôn miền núi, ng- ời Tày vẫn sử dụng trang phục theo lối cổ truyền; ở khu vực thị xã, thị trấn, ven đ- ờng giao thông, đa phần thanh niên nam nữ Tày đã vận những bộ y phục kiểu mới. Có thể nói, trang phục của ng- ời Tày ngày càng có xu h- ớng phát triển theo phong cách may mặc của ng- ời Việt. Trên thị tr- ờng miền núi, mặc dù t- nhân và quốc doanh bán rất nhiều loại trang phục, nh- ng những mặt hàng phù hợp với túi tiền và thị hiếu của ng- ời Tày lại rất hiếm. Nghề trồng bông, dệt vải ở một số vùng đang mai một. Nhiều sản phẩm truyền thống có giá trị nh- thổ cẩm ít đ- ọc quan tâm phát triển theo h- ớng sản xuất hàng hoá

Trong cuộc sống hôm nay, khi ng- ời Tày sống xen c- với các dân tộc khác trong điều kiện kinh tế thị tr- ờng thì không thể không tránh khỏi có những thay đổi về trang phục, nhất là trang phục cổ truyền. Vấn đề nghiên cứu bảo tồn và hiện đại hoá trang phục cổ truyền của ng- ời Tày Việt Nam đang đ- ọc đặt ra. Vì vậy, Nhà n- ớc cần có chính sách tài trợ, khuyến khích việc trồng bông, dệt vải ở vùng các dân tộc thiểu số nói chung và ở vùng Tày nói riêng, góp phần gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc nh- Nghị quyết Ban chấp hành Trung - ơng Đảng lần thứ V (khoá VIII) đã đề ra.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Bé. 2001. *Trang phục cổ truyền của ng- ời Nùng ở Đông Bắc Việt Nam*. Tóm tắt luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
2. Hoàng Ngọc La (chủ biên), Hoàng Hoa Toàn, Vũ Anh Tuấn. 2002. *Văn hoá dân gian Tày*. Sở Văn hoá Thông tin Thái Nguyên xuất bản.
3. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn. 1968. *Sơ l- ọc giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hoàng Tuấn Nam (chủ biên), Bế Thanh Tuyên, Minh Hiền. 2001. *Non n- ớc Cao Bằng*. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam và Trung tâm văn hóa Đông Tây xuất bản, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (chủ biên), Bùi Khắc Việt, Chu Bích Thu, Đào Thản, Hoàng Tuệ...1988. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hùng Đình Quý (chủ biên), Nguyễn Khắc Sửu, Phạm Văn Quang, Lò Giàng Páo, Cao Xuân Thái, Nguyễn Khắc Đài.1994. *Văn hoá truyền thống các dân tộc Hà Giang*. Nxb. Sở Văn hoá Thông tin Hà Giang.
7. Chu Tuấn Thanh (chủ biên), Đinh Đức Cẩn, Trần Sĩ, Mai Thị Quy, Bế Đức Hậu. 2000. *Đánh giá việc giữ gìn và phát huy văn hoá truyền thống một số dân tộc thiểu số giai đoạn 1991 - 2000*, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Hà Nội.
8. Hà Đình Thành (chủ biên), Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Thị Yên...2003. *Văn hoá dân gian Tày, Nùng ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu Văn hoá dân gian, Hà Nội.
9. Tỉnh uỷ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng. 2000. *Địa chí Cao Bằng*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn. 1999. *Địa chí Lạng Sơn*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Viện Dân tộc học. 1978. *Các dân tộc ít ng- ời ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Viện Dân tộc học. 1992. *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*. Hà Nội.